



Ký bởi: Bộ Nội vụ
Cơ quan: Bộ Nội vụ

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **2172**/BC-BNV

Hà Nội, ngày **08** tháng **5** năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quyết định số 1641/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023-2025”

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính
Đồng kính gửi: Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình.

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII¹, ngày 28 tháng 12 năm 2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1641/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023-2025” (sau đây viết tắt là Quyết định số 1641/QĐ-TTg) với mục tiêu nâng cao năng lực hoạch định chính sách, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành cho đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương (sau đây gọi tắt là cán bộ trẻ và cán bộ nữ) đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, điều hành chính quyền địa phương, góp phần xây dựng và phát triển đất nước trong tình hình mới và hội nhập quốc tế. Căn cứ mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và kết quả tổ chức thực hiện Đề án, Bộ Nội vụ trân trọng báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

Đề án “Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023-2025” được xây dựng và triển khai trong thời gian qua căn cứ:

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

¹ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;

- Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

2. Mục tiêu của Đề án

Mục tiêu chung của Đề án là nâng cao năng lực hoạch định chính sách, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành cho đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, điều hành chính quyền địa phương, góp phần xây dựng và phát triển đất nước trong tình hình mới và hội nhập quốc tế; Tạo chuyển biến lớn trong nhận thức và cách thức tổ chức quản lý; tiếp cận với cách tư duy mới; mở rộng tầm nhìn cho cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ; học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm và phương pháp làm việc hiệu quả; Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm ở một số nước góp phần xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài.

Mục tiêu cụ thể: Giai đoạn 2023 - 2025 tổ chức bồi dưỡng ở nước ngoài cho khoảng 180 - 200 cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 45 tuổi) và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương, cụ thể: mỗi năm tổ chức khoảng 04 khóa bồi dưỡng, mỗi khóa có khoảng 15 - 17 cán bộ, công chức thuộc đối tượng của Đề án.

3. Đối tượng và phạm vi của Đề án

Đề án được áp dụng trên phạm vi toàn quốc (63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương). Đối tượng của Đề án là đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 45 tuổi) có năng lực nổi trội, có chiều hướng phát triển và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện để cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành, gồm:

a) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 45 tuổi) giữ chức danh Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ giữ chức danh Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh còn đủ tuổi công tác đến hết nhiệm kỳ 2025 - 2030;

c) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 45 tuổi) có năng lực nổi trội, có thành tích xuất sắc trong công tác và có triển vọng phát triển, được quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2026 và 2026 - 2030.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao, Lãnh đạo Bộ Nội vụ đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị chức năng của Bộ tập trung xây dựng kế hoạch và tổ chức có chất lượng, hiệu quả các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài giai đoạn 2022 – 2025 theo Quyết định số 1641/QĐ-TTg. Trong 03 năm qua, Bộ Nội vụ đã xây dựng kế hoạch và **tổ chức thành công 13 khóa bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài**² cho đội ngũ cán bộ trẻ và cán bộ nữ của chính quyền địa phương; đội ngũ công chức trẻ tạo nguồn lãnh đạo các cấp, lãnh đạo trẻ của Bộ Nội vụ.

Để bảo đảm công tác tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài đạt chất lượng, hiệu quả, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 684/QĐ-BNV ngày 08/9/2022 thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài do Bộ Nội vụ tổ chức và Quyết định số 706/QĐ-BNV ngày 19/9/2022 ban hành Quy chế đoàn đi bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2022 – 2025.

(Thông tin về các khóa bồi dưỡng tại Phụ lục I kèm theo).

Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, lựa chọn các cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng, nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức bồi dưỡng cán bộ, công chức của Cộng hòa Pháp và Nhật Bản để thực hiện các khóa bồi dưỡng theo yêu cầu của Đề án.

Các khóa bồi dưỡng đã được triển khai bám sát mục tiêu, yêu cầu và nội dung của Đề án, kế hoạch của Bộ. Chủ đề, chương trình của từng khóa cũng như nội dung các chuyên đề bồi dưỡng được Bộ Nội vụ phối hợp chặt chẽ với đối tác của Cộng hòa Pháp và Nhật Bản lựa chọn kỹ lưỡng, thiết kế khoa học, bài bản và tập trung vào một số lĩnh vực, nội dung có tính thời sự, phù hợp với nhu cầu, yêu cầu công tác và thiết thực với đối tượng học viên của các khóa bồi dưỡng như: Cải cách công vụ, chính sách công, Chính phủ số, chuyển đổi số, quản trị chính quyền địa phương, phân cấp, phân quyền, kỹ năng lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa...

Công tác tổ chức các khóa bồi dưỡng đã được triển khai thực hiện dưới sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của Ban Chỉ đạo tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài do Bộ Nội vụ tổ chức³, trực tiếp là Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng - Trưởng ban Chỉ đạo. Các thành viên trong Ban Chỉ đạo đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ và triển khai công tác tổ chức các khóa bồi dưỡng theo Phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban Chỉ đạo⁴. Các cán bộ, công chức

² Trong đó có 07 khóa tại Cộng hòa Pháp và 06 khóa tại Nhật Bản.

³ Quyết định số 684/QĐ-BNV ngày 08/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài do Bộ Nội vụ tổ chức.

⁴ Phân công của Ban Chỉ đạo tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài do Bộ Nội vụ tổ chức tại Văn bản số 4685/BCĐ ngày 21/9/2022 của Bộ Nội vụ.

tham gia khoá bồi dưỡng thực hiện nghiêm Quy chế đoàn đi bồi dưỡng⁵ và các quy định pháp luật có liên quan.

Căn cứ Kế hoạch tổ chức các khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài hằng năm, Bộ Nội vụ đã thực hiện chiêu sinh và rà soát, đối chiếu tiêu chuẩn, điều kiện của các cán bộ, công chức được cử tham gia khóa bồi dưỡng; thành lập đoàn đi bồi dưỡng theo đúng quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ở nước ngoài và Quy chế của Bộ Nội vụ.

Trước khi đi bồi dưỡng, Ban Chỉ đạo tổ chức họp đoàn để quán triệt các nội dung về mục đích, yêu cầu, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm của thành viên đoàn, cung cấp thông tin về nước đến, cơ sở đào tạo, chương trình học tập, những lưu ý về văn hoá, phong tục, tập quán, pháp luật trong sinh hoạt, làm việc tại nước đến. Trong quá trình đoàn học tập tại nước ngoài, Trưởng đoàn và cán bộ tổ chức đoàn thường xuyên giữ liên lạc, báo cáo Ban Chỉ đạo để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh. Sau khi kết thúc khoá bồi dưỡng, đoàn trở về nước đúng thời hạn, đoàn và từng thành viên đoàn thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định.

2. Công tác lựa chọn, cử cán bộ, công chức tham gia các khóa bồi dưỡng

Bộ Nội vụ đã thực hiện việc rà soát số lượng cán bộ, công chức của các địa phương thuộc đối tượng của Đề án. Trên cơ sở đó, Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ đã có công văn gửi các địa phương để thực hiện chiêu sinh cho các khóa bồi dưỡng đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự.

(Số lượng cán bộ, công chức của từng địa phương được cử tham gia tại Phụ lục II kèm theo).

Số lượng, thành phần của mỗi đoàn đi bồi dưỡng gồm 14 – 17 học viên là cán bộ trẻ, cán bộ nữ của địa phương⁶ được chọn, cử, thẩm định, bảo đảm **đúng đối tượng bồi dưỡng, đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia khoá bồi dưỡng**; công chức, lãnh đạo trẻ có thành tích nổi trội của Bộ Nội vụ⁷, 01 cán bộ tổ chức đoàn và 01 phiên dịch. Để bảo đảm công tác tổ chức các đoàn đi bồi dưỡng thuận lợi, khách quan, đúng quy định và mục tiêu đề ra, đối với từng đoàn, Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn, Thư ký đoàn được cử trong số học viên là cán bộ trẻ, cán bộ nữ

⁵ Quy chế đoàn đi bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 706/QĐ-BNV ngày 19/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

⁶ Gồm các đối tượng sau: (1) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 45 tuổi) giữ chức danh Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (2) Cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ giữ chức danh Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh còn đủ tuổi công tác đến hết nhiệm kỳ 2025 – 2030; (3) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 45 tuổi) có năng lực nổi trội, có thành tích xuất sắc trong công tác và có triển vọng phát triển, được quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2026 và 2026 – 2030. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cử 01 đại diện.

⁷ Công văn số 198-CV/VPBCSĐ ngày 22/7/2024 của Văn phòng Ban cán sự đảng Bộ tổng hợp ý kiến thành viên Ban cán sự đảng Bộ, trong đó 04/5 ý kiến thống nhất của các đồng chí thành viên Ban cán sự đảng Bộ (chưa có ý kiến của đồng chí Vũ Chiến Thắng) về việc thống nhất điều chỉnh, bổ sung đối tượng của Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ lãnh đạo trẻ các cấp của Bộ Nội vụ giai đoạn 2023-2026, định hướng đến năm 2030”⁷ là công chức, lãnh đạo trẻ có thành tích nổi trội của Bộ Nội vụ để cử tham gia các khóa bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo trẻ, cán bộ lãnh đạo là nữ của chính quyền địa phương tại nước ngoài năm 2024 trong trường hợp các địa phương không cử được cán bộ, công chức tham gia.

của các địa phương; cán bộ tổ chức đoàn là lãnh đạo cấp Vụ và tương đương của Bộ Nội vụ.

Các khóa bồi dưỡng trong năm 2022 và 4 khóa bồi dưỡng của năm 2023, thành phần tham gia đoàn là cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương và 01 cán bộ tổ chức đoàn của Bộ Nội vụ. Từ khóa thứ 5 của năm 2023 và các khóa của năm 2024, do một số địa phương không cử được cán bộ, công chức tham gia, thành phần tham gia đoàn bổ sung thêm đối tượng là công chức, lãnh đạo trẻ có thành tích nổi trội của Bộ Nội vụ sau khi có ý kiến của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ.

Tổng số cán bộ, công chức tham gia 13 khóa bồi dưỡng là 205 người (95 nam; 110 nữ); trong đó có 27 người giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; 12 người giữ chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 26 người giữ chức danh Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội; 38 người giữ chức danh Bí thư Huyện ủy/Quận ủy/Thị ủy; 04 người giữ chức danh Phó Bí thư Huyện ủy; 22 người là Giám đốc Sở.

(Danh sách cán bộ, công chức tham gia 13 khóa bồi dưỡng ở nước ngoài tại Phụ lục III kèm theo).

3. Nội dung chương trình các khóa bồi dưỡng

Chương trình của các khóa bồi dưỡng được thiết kế gồm: 04-05 ngày học tập chuyên đề, thảo luận nhóm và trao đổi với chuyên gia; 03-04 ngày nghiên cứu, khảo sát thực tế. Trong đó, tập trung bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo trẻ, cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của các địa phương theo yêu cầu của Đề án, cụ thể:

- Chủ đề các khóa bồi dưỡng tại Pháp gồm: Nâng cao năng lực lãnh đạo, chuyển đổi số và cải cách hành chính công; Cải cách công vụ và chuyển đổi số; Chính sách công; Chính phủ số; Lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa; Cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Nội dung các chuyên đề bồi dưỡng chính gồm: Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của Cộng hòa Pháp về tổ chức lãnh thổ, phân chia trách nhiệm quyền lực giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương; Thiết lập liên kết giữa chính quyền địa phương với chính quyền Trung ương và người dân; Chuyển đổi số; Hành chính công; Nâng cao chất lượng môi trường làm việc; Nâng cao năng lực lãnh đạo; Xây dựng và triển khai thực hiện Chính phủ số; Quản trị chính quyền số và nâng cao năng lực lãnh đạo chính quyền thời đại số/chuyển đổi số; Cải cách công vụ, cải cách thể chế cấp chính quyền địa phương và phân cấp quản lý giữa trung ương và vùng, địa phương; Kỹ năng lãnh đạo, quản lý trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa; Chính sách công và quản lý trong bối cảnh toàn cầu hóa và đẩy mạnh chuyển đổi số; Hoạch định chính sách và thực thi chính sách của chính quyền địa phương với sự tham gia của người dân; Kỹ năng phân tích, đánh giá chính sách và đánh giá tác động chính sách; Chính sách thu hút,

trọng dụng và đãi ngộ người có tài năng trong hoạt động công vụ; Đạo đức công vụ và phòng, chống tham nhũng.

- Chủ đề các khóa bồi dưỡng tại Nhật Bản gồm: Chính sách công; Lãnh đạo và Quản trị chính quyền địa phương; Chính sách công; Chính phủ số; Lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

Nội dung các chuyên đề bồi dưỡng chính gồm: Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của Nhật Bản về xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng xác thực; Mô hình tổ chức của Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương; Quản lý công trên nền tảng số; Hoạch định chính sách công; Hệ thống chính quyền địa phương; Phân quyền; Cải cách hành chính và nền Hành chính công bằng; Hệ thống tài chính thuế và công chức chính quyền địa phương; Quá trình hoạch định chính sách; Phát triển kinh tế tại các nước châu Á và Việt Nam; Hệ thống hành chính từ Trung ương tới địa phương và vấn đề phân cấp quản lý nhà nước của Nhật Bản; Vai trò của chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương; Hệ thống tự chủ của địa phương và các hoạt động đẩy mạnh cải cách phân cấp; Xây dựng và triển khai Chính phủ điện tử ở Nhật Bản; Quản trị và quản lý hành chính chính quyền địa phương; Kỹ năng phân tích, đánh giá chính sách và đánh giá tác động chính sách; Kỹ năng lãnh đạo, quản lý trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa; Một số mô hình tiêu biểu về phát triển kinh tế, nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của địa phương ở Nhật Bản (đặc biệt đối với những địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh, thiên tai, biến đổi khí hậu...).

4. Kinh phí

- Tổng kinh phí tổ chức 13 khóa bồi dưỡng theo Đề án (giai đoạn 2022-2024) là 30,5 tỷ đồng; sử dụng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài hàng năm cấp về Bộ Nội vụ (năm 2022, năm 2023 và năm 2024); Kinh phí tài trợ từ Công ty Erex đối với các khóa bồi dưỡng tại Nhật Bản là 32.194.400 JPY (khoảng 5,6 tỷ đồng) theo Bản ghi nhớ giữa Bộ Nội vụ và Công ty Erex.

- Kinh phí tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 30/3/2018 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023); Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Việc triển khai Đề án “Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023-2025” theo Quyết định số 1641/QĐ-TTg trong thời gian qua đã đạt được mục tiêu, yêu cầu của Đề án. Đề án nhận được sự quan tâm, ủng hộ và đánh giá cao của các địa phương cũng như các học viên tham gia

khóa bồi dưỡng. Các khóa bồi dưỡng là cơ hội giúp đội ngũ cán bộ trẻ và cán bộ nữ của chính quyền địa phương nâng cao năng lực hoạch định chính sách, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, chỉ đạo, điều hành chính quyền địa phương, góp phần xây dựng và phát triển đất nước trong tình hình mới và hội nhập quốc tế.

1. Ưu điểm

- Nội dung chương trình bồi dưỡng thiết thực và có tính ứng dụng cao. Nhìn chung nội dung các khóa bồi dưỡng được học viên đánh giá cao, thiết thực, sát thực tiễn, phù hợp với các học viên chủ yếu là cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp cao tại chính quyền địa phương. Một số nội dung tiêu biểu học viên tâm đắc như: Mối quan hệ công tác nhịp nhàng giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương tại Cộng hòa Pháp và Nhật Bản; các nguyên tắc về phân cấp, phân quyền và phương pháp ứng dụng trong điều hành thực tiễn; thành tựu về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính hướng tới nền công vụ phục vụ người dân, đơn giản hóa thủ tục hành chính; kỹ năng hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách; kỹ năng lãnh đạo, quản lý trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa; ví dụ mô hình của Cộng hòa Pháp và Nhật Bản về quản lý, vận hành đô thị thông minh, hạ tầng giao thông công cộng, xử lý rác thải sinh hoạt, phát triển thương hiệu du lịch, sản phẩm, đặc sản nông nghiệp vùng miền...

- Các địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án; lựa chọn và cử cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đúng đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu của Đề án. Việc chọn, cử cán bộ, công chức tham gia Đề án thể hiện sự động viên, ghi nhận đối với các cán bộ trẻ và cán bộ nữ, tạo cơ hội cho cán bộ, công chức trẻ phát triển, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Công tác tổ chức các khóa bồi dưỡng được thực hiện bài bản, chu đáo, tuân thủ chặt chẽ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch, lịch trình cụ thể, công tác hậu cần, chế độ sinh hoạt, ăn, ở, đi lại, thủ tục hành chính cho đoàn được chuẩn bị đầy đủ, chu đáo. Đối tác là cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng, nhiệt tình hỗ trợ từ khâu xây dựng chương trình, thiết kế bài giảng, tổ chức, bố trí nơi ở, phương tiện đi lại. Các đoàn đều có cán bộ trực tiếp hỗ trợ đoàn là người gốc Việt Nam nên công tác tổ chức bồi dưỡng, sinh hoạt, giao tiếp được thuận lợi.

- Các thành viên đoàn nắm rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, được cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết trước khi đi bồi dưỡng; tích cực tham gia các hoạt động của chương trình bồi dưỡng, nghiên cứu, thảo luận sôi nổi; thực hiện nguyên tắc lễ tân ngoại giao, xây dựng hình ảnh cán bộ, công chức Việt Nam đối với bạn bè quốc tế; Phiên dịch cho đoàn là những người có kinh nghiệm, đáp ứng tốt yêu cầu, giúp học viên tiếp thu được bài giảng và giao tiếp, nhiệt tình hỗ trợ, giúp đỡ đoàn trong sinh hoạt; Cán bộ tổ chức đoàn đã thực hiện đúng nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao, chu đáo, tham gia học tập và tổ chức hoạt động thực tế cùng đoàn; giao dịch, kết nối thông tin với các bên liên quan để bảo đảm các hoạt động học tập, sinh hoạt của đoàn.

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Đối tượng của Đề án: Số lượng cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 45 tuổi) có năng lực nổi trội, có chiều hướng phát triển và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện thuộc đối tượng của Đề án không nhiều. Đối tượng của Đề án đều là cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ, do đó việc bố trí thời gian để tham gia các khóa bồi dưỡng còn gặp nhiều khó khăn. Có 12 địa phương không thể cử cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng theo công văn chiêu sinh của Bộ Nội vụ (cụ thể các tỉnh: Bắc Giang, Điện Biên, Hà Nam, Nam Định, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Bạc Liêu, Bình Dương, Bình Phước, Cần Thơ, Trà Vinh, Vĩnh Long). Do đó phần nào đã ảnh hưởng đến tiến độ và công tác tổ chức khóa bồi dưỡng.

- Việc cung cấp thông tin về chương trình học của các cơ sở đào tạo đôi lúc còn chậm, do đó việc trình Lãnh đạo Bộ Nội vụ phê duyệt nội dung chương trình của một số khóa bồi dưỡng chưa đảm bảo thời gian và yêu cầu cung cấp thông tin sớm cho các học viên để kịp thời chuẩn bị nội dung cho khóa bồi dưỡng.

3. Bài học kinh nghiệm

a) Công tác chuẩn bị đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai và thực hiện Đề án. Việc xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu cụ thể, lựa chọn đúng đối tượng, đúng nội dung bồi dưỡng và cơ sở đào tạo phù hợp là yếu tố quyết định đến chất lượng và hiệu quả của Đề án. Công tác chuẩn bị tốt giúp quá trình triển khai diễn ra thuận lợi, đúng tiến độ và đạt được kết quả, chất lượng theo yêu cầu.

b) Sự phối hợp chặt chẽ giữa địa phương và Bộ Nội vụ. Sự gắn kết, đồng thuận và chủ động phối hợp giữa Bộ Nội vụ, các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương là điều kiện cần thiết để triển khai đồng bộ các hoạt động trong khuôn khổ Đề án, đặc biệt là trong khâu tuyển chọn, thành lập đoàn đi, tổ chức khóa bồi dưỡng và đánh giá sau khi tham gia Đề án.

c) Việc xây dựng chương trình và lựa chọn đối tác đào tạo uy tín, phù hợp với yêu cầu thực tiễn; hợp tác với các cơ sở đào tạo quốc tế có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý công, lãnh đạo và phát triển năng lực cán bộ, công chức giúp học viên tiếp cận kiến thức tiên tiến, cập nhật, có khả năng áp dụng vào thực tế công việc.

d) Tăng cường theo dõi, hỗ trợ và đánh giá sau đào tạo, bồi dưỡng. Để phát huy hiệu quả bền vững của chương trình, việc theo dõi, hỗ trợ học viên sau khi kết thúc khóa học và đánh giá mức độ ứng dụng kiến thức vào công việc là rất cần thiết. Đây cũng là cơ sở để cải tiến chương trình và xác định tính hiệu quả thực chất của Đề án.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang chịu tác động sâu sắc từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, sự phát triển kinh tế tri thức và trí tuệ nhân tạo (AI), nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đã trở thành nhiệm vụ cấp thiết. Một trong những yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra là không ngừng phát huy nhân tố con người để nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo những đột phá trong tiến trình xây

dựng đất nước. Trong bối cảnh đó, việc đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nòng cốt của các Bộ, ban, ngành, địa phương là vô cùng cần thiết.

Một trong những mục tiêu trọng điểm được đề ra tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ⁸ là “đẩy mạnh hợp tác, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế sâu rộng”. Tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, một trong những quan điểm chỉ đạo là “Thế chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thế chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài”; đặt ra nhiệm vụ, giải pháp là “Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.

Trên cơ sở kết quả đạt được của Đề án, Bộ Nội vụ kiến nghị, đề xuất Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Nội vụ xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài giai đoạn 2026 – 2030 với một số nội dung trọng tâm như sau:

1. Mở rộng đối tượng áp dụng, phạm vi cho phù hợp với nhu cầu và yêu cầu thực tiễn quản lý, điều hành, bảo đảm gắn bồi dưỡng với công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý. Đối tượng tham gia bồi dưỡng là các cán bộ, công chức tiêu biểu, có năng lực nổi trội và có chiều hướng phát triển; cán bộ, công chức thuộc đối tượng thu hút người có tài năng của các bộ, ngành, địa phương chưa tham gia bồi dưỡng các Chương trình, Đề án sử dụng ngân sách nhà nước có cùng nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong cùng giai đoạn. Việc tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài bảo đảm thiết thực, chất lượng, hiệu quả; gắn với yêu cầu nhiệm vụ nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nòng cốt của các Bộ, ban, ngành, địa phương, chú trọng đối tượng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức với nội dung, chương trình bồi dưỡng thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm để vừa cập nhật kiến thức, phương pháp, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, vừa nâng cao năng lực và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; Nâng cao kiến thức về khoa học,

⁸ Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 – 2030.

công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, chuyển đổi số quốc gia.

3. Đổi mới hình thức và phương pháp tổ chức bồi dưỡng:

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hạn (02 tuần) ở nước ngoài (lựa chọn các quốc gia có nền hành chính công phát triển cao như Xin-ga-po, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Pháp, Hàn Quốc, ...).

- Tổ chức một số khóa học trực tiếp bằng tiếng Anh đối với nhóm đối tượng là cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý có đủ khả năng giao tiếp, tiếp thu bằng tiếng Anh.

- Tổ chức khóa bồi dưỡng ngắn hạn trực tiếp ở nước ngoài, kết hợp linh hoạt với hình thức trực tuyến đảm bảo việc học tập, nghiên cứu, khảo sát thực tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong đào tạo, bồi dưỡng, bao gồm: xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến chất lượng cao với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước. Phát triển nền tảng học tập số để cán bộ, công chức có thể học tập từ xa, kết hợp đào tạo truyền thống với đào tạo trực tuyến. Áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào các chương trình mô phỏng quản lý hành chính công.

4. Tăng cường liên hệ, ký kết các bản ghi nhớ hợp tác đối với các quốc gia như Trung Quốc, Singapore, Hàn Quốc, Đức, Hoa Kỳ, Canada, các quốc gia Bắc Âu... đã có những bước tiến vượt bậc trong cải cách hành chính trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, hiện đại; qua đó làm cầu nối cho việc hợp tác, phối hợp với các cơ sở đào tạo có uy tín, năng lực và kinh nghiệm tại các nước này tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, trong đó chú trọng về nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý, điều hành, kết hợp hài hòa thời lượng học lý thuyết cũng như đi nghiên cứu thực tế; bảo đảm tận dụng, phát huy tối đa kiến thức, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên, báo cáo viên và lựa chọn các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, có uy tín, chất lượng.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Đề án “Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023-2025”, Bộ Nội vụ kính trình Thủ tướng Chính phủ./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà (để báo cáo);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, Vụ CCVC.



Vũ Chiến Thắng



PHỤ LỤC I

THÔNG TIN CÁC KHÓA BỒI DƯỠNG Ở NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2022-2024

(Kèm theo Báo cáo số ~~2172~~ 2172/BC-BNV ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nội vụ)

STT	KHÓA BỒI DƯỠNG	THỜI GIAN	SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN
I	NĂM 2022		
1	Khoá tại Normandie (PHÁP)	25/9/2022 - 05/10/2022	16
2	Khoá tại HIROSHIMA (NHẬT BẢN)	12/11/2022 - 22/11/2022	17
3	Khoá tại GRIPS (NHẬT BẢN)	27/11/2022 - 07/12/2022	17
II	NĂM 2023		
1	Khoá tại INSP (PHÁP)	19/6/2023 - 28/6/2023	14
2	Khoá tại Normandie (PHÁP)	02/7/2023 - 13/7/2023	16
3	Khoá tại HIROSHIMA (NHẬT BẢN)	22/7/2023 - 01/8/2023	16
III	NĂM 2024		
1	Khoá tại Normandie (PHÁP) (Kế hoạch của năm 2023 chuyển sang)	18/3/2024 - 28/3/2024	16
2	Khoá tại GRIPS (Nhật Bản) (Kế hoạch của năm 2023 chuyển sang)	08/4/2024 - 17/4/2024	16
3	Khoá tại Normandie (PHÁP)	26/5/2024 - 06/6/2024	16
4	Khoá tại INSP (PHÁP)	16/9/2024 - 25/9/2024	16
5	Khoá tại Normandie (PHÁP)	30/9/2024 - 09/10/2024	16
6	Khoá tại Hiroshima (NHẬT BẢN)	19/10/2024 - 30/10/2024	14
7	Khoá tại GRIPS (NHẬT BẢN)	09/12/2024 - 18/12/2024	15
	TỔNG CỘNG		205

PHỤ LỤC II
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÁC ĐỊA PHƯƠNG THAM GIA
CÁC KHÓA BỒI DƯỠNG NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Báo cáo số **2472**/BC-BNV ngày **08** tháng **5** năm 2025 của Bộ Nội vụ)

STT	ĐỊA PHƯƠNG	SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
1	An Giang	3
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	4
3	Bắc Giang	4
4	Bắc Kạn	3
5	Bạc Liêu	1
6	Bắc Ninh	3
7	Bến Tre	3
8	Bình Định	3
9	Bình Dương	3
10	Bình Phước	2
11	Bình Thuận	4
12	Cà Mau	4
13	Cần Thơ	1
14	Cao Bằng	3
15	Đà Nẵng	3
16	Đắk Lắk	2
17	Đắk Nông	4
18	Điện Biên	2
19	Đồng Nai	4
20	Đồng Tháp	2
21	Gia Lai	3
22	Hà Giang	2
23	Hà Nam	2
24	Hà Nội	1
25	Hà Tĩnh	3
26	Hải Dương	2
27	Hải Phòng	3
28	Hậu Giang	3
29	Hòa Bình	4
30	Hưng Yên	3
31	Khánh Hòa	4
32	Kiên Giang	2
33	Kon Tum	3
34	Lai Châu	3
35	Lâm Đồng	2
36	Lạng Sơn	2

37	Lào Cai	3
38	Long An	4
39	Nam Định	0
40	Nghệ An	5
41	Ninh Bình	2
42	Ninh Thuận	4
43	Phú Thọ	1
44	Phú Yên	3
45	Quảng Bình	2
46	Quảng Nam	2
47	Quảng Ngãi	3
48	Quảng Ninh	2
49	Quảng Trị	4
50	Sóc Trăng	4
51	Sơn La	2
52	Tây Ninh	3
53	Thái Bình	2
54	Thái Nguyên	3
55	Thanh Hóa	0
56	Thừa Thiên Huế	4
57	Tiền Giang	2
58	TP. Hồ Chí Minh	4
59	Trà Vinh	3
60	Tuyên Quang	2
61	Vĩnh Long	5
62	Vĩnh Phúc	1
63	Yên Bái	5
	Tổng	175

27

PHỤ LỤC III

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC THAM GIA CÁC KHÓA BỒI DƯỠNG NƯỚC NGOÀI THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1641/QĐ-TTG NGÀY 28/12/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Báo cáo số **2472**/BC-BNV ngày **08** tháng **5** năm 2025 của Bộ Nội vụ)

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
A	Năm 2022							
I	Khoá tại Normandie - Tháng 9/2022 (PHÁP)							
1	Trần Thị Vân	01.002		22/02/1975	Tỉnh uỷ viên, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	Trưởng đoàn
2	Nguyễn Thị Bé Mười	01.002		10/02/1972	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Bến Tre	Phó Trưởng đoàn
3	Nguyễn Thị Thanh Lịch	01.002		20/9/1976	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	Gia Lai	
4	Hồ Thị Nguyên Thảo	01.001		23/02/1977	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Phú Yên	
5	Nguyễn Thị Thu Hà	01.002		04/02/1978	Tỉnh uỷ viên, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	
6	Lê Hồng Thắm	01.002		17/3/1978	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	
7	Huỳnh Thúy Vân	01.001		30/9/1975	Tỉnh uỷ viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định	Bình Định	



TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
8	Lê Trí Vũ	01.001	07/10/1978		Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Dân vận Thành ủy	Ban Dân vận Thành ủy Hải Phòng	TP Hải Phòng	
9	Phúc Bình Niê Kdăm	01.002		08/9/1983	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đắk Lắk, đại biểu Quốc hội khóa XV	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk	
10	Nguyễn Phước Thiện	01.002	04/7/1978		Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp	Đồng Tháp	
11	Đỗ Văn Bình	01.001	22/12/1979		Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy Cam Lộ	Huyện Cam Lộ	Quảng Trị	
12	Phan Huỳnh Quốc Vinh	01.002	01/8/1981		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bến Cầu	Huyện Bến Cầu	Tây Ninh	
13	Sùng A Nù	01.002	12/11/1983		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Phong Thổ	Hội đồng nhân dân huyện Phong Thổ	Lai Châu	
14	Phạm Tuấn Vinh	01.002	03/10/1981		UV BCH Đảng bộ tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã Thái Hòa	Hội đồng nhân dân thị xã Thái Hòa	Nghệ An	
15	Nguyễn Văn Nhuận	01.002	20/02/1979		Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn	Khánh Hòa	
16	Nguyễn Xuân Dung	01.001		25/11/1971	Phó Vụ trưởng	Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
II	Khóa tại HIROSHIMA 12/11/2022 – 22/11/2022 (NHẬT BẢN)							
1	Lê Hải Hòa	01.002	12/5/1980		Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	Trưởng đoàn
2	Trần Thanh Nguyên	01.001	27/11/1978		UV BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang	Tiền Giang	Phó Trưởng đoàn
3	Nguyễn Minh Tâm	01.001		19/3/1972	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	
4	Hoàng Thu Trang	01.002		25/4/1975	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn	Bắc Kạn	
5	Nghe Minh Hồng	01.002		15/11/1973	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	Kon Tum	
6	Lê Thị Thanh Trà	01.002		29/7/1974	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	
7	Mai Thị Xuân Trung	01.002		12/9/1973	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	
8	Điền Huỳnh Sang	01.003		25/12/1980	UV BCH Đảng bộ tỉnh, Phó Trưởng đoàn chuyên trách phụ trách đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước	Bình Phước	
9	Lưu Đức Hoàn	01.002	13/8/1982		Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)	
10	Thạch Thị Thu Hà	01.002		14/10/1981	Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động	Liên đoàn Lao động tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
11	Đỗ Việt Bách	01.002	26/6/1977		UV BCH Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	Yên Bái	
12	Trần Quang Triển	01.001	24/12/1979		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đông Hưng	Bí thư Huyện ủy Đông Hưng	Thái Bình	
13	Đỗ Thị Thanh Hương	01.002		25/12/1978	Trưởng ban Văn hóa – Xã hội	Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	
14	Nguyễn Công Hoàng	01.002	04/4/1978		Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Xây dựng	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	
15	Nguyễn Thị Kim Dung	01.002		14/10/1979	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Thư ký
16	Hoàng Kim Thủy	01.002		28/8/1970	Chuyên viên chính	Vụ Hợp tác quốc tế	Bộ Nội vụ	
17	Nguyễn Thị Nga	01.001		18/10/1974	Phó Cục trưởng	Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn
III	Khóa tại GRIPS 27/11/2022 – 07/12/2022 (NHẬT BẢN)							
1	Văn Thị Bạch Tuyết	01.001		16/6/1976	Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội TPHCM	TP Hồ Chí Minh	Trưởng đoàn
2	Vũ Thị Hiền Hạnh	01.002		18/8/1975	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái	Yên Bái	Phó Trưởng đoàn
3	Đinh Thị Việt Huỳnh	01.001		29/6/1977	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang	An Giang	
4	Lý Thị Lan	01.001		12/9/1974	Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Giang	Hà Giang	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
5	Nguyễn Thị Việt Nga	01.002		29/9/1976	Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hải Dương	Hải Dương	
6	Huỳnh Thị Phúc	01.002		17/02/1976	Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	
7	Đàng Thị Mỹ Hương	01.002		24/6/1973	Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	
8	Nguyễn Thị Thuận Bích	01.002		19/12/1975	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	
9	Lê Thị Thúy Kiều	01.002		20/7/1976	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	
10	Huỳnh Thị Diễm Ngọc	01.002		11/9/1976	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	
11	Hồ Thu Ánh	01.002		01/01/1976	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	
12	Lương Trọng Quỳnh	01.002	16/10/1979		Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Lạng Sơn	
13	Tô Hoài Phương	01.002	22/02/1978		Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ	Tỉnh uỷ Cà Mau	Cà Mau	
14	Nguyễn Thị Thu Trinh	01.002		31/7/1978	Bí thư Huyện uỷ	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Hóa	Long An	
15	Trần Thị Kim Hoa	01.002		10/10/1978	Giám đốc Sở	Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	
16	Phạm Thị Bích Ngọc	01.002		10/9/1983	Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ	Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Nam	Hà Nam	Thư ký
17	Lê Anh Tuấn	01.001	22/12/1974		Phó Viện trưởng	Viện Khoa học tổ chức nhà nước	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
B	Năm 2023							
I	Khóa tại INSP ngày 19/6/2023 - 28/6/2023 (PHÁP)							
1	Nguyễn Thị Anh Thi	01.002		31/10/1976	Thành ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân TP Đà Nẵng	TP Đà Nẵng	Trưởng đoàn
2	Nguyễn Trường Nhật Phụng	01.002		01/01/1979	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương	Bình Dương	Phó Trưởng đoàn
3	Nguyễn Thị Hoàng	01.002		16/04/1972	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	
4	Nguyễn Thị Kim Tuyến	01.002		18/09/1979	UV BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đồng Tháp	
5	Lò Thị Luyến	01.002		02/02/1974	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên	Điện Biên	
6	Siu Hương	01.002		16/08/1983	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai	Gia Lai	
7	Đinh Thị Phụng	01.002		03/02/1980	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban tổ chức Tỉnh ủy	Tỉnh ủy Ninh Bình	Ninh Bình	
8	Đỗ Đình Hữu	01.002	24/01/1979		Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp	Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	
9	Trần Ngọc Luận	01.002	01/4/1979		Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy	Tỉnh ủy Yên Bái	Yên Bái	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
10	Giăng Quốc Hưng	01.002	04/10/1982		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Mường Khương	Hội đồng nhân dân huyện Mường Khương	Lào Cai	
11	Nguyễn Thế Hoàn	01.002	18/10/1979		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Lộc Hà	Hội đồng nhân dân huyện Lộc Hà	Hà Tĩnh	
12	Y Nhuận Byă	01.002	31/11/1979		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Ea Kar	Hội đồng nhân dân huyện Ea Kar	Đắk Lắk	
13	Huỳnh Thị Hồng Nhung	01.002		09/10/1981	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy	Tỉnh ủy Tây Ninh	Tây Ninh	Thư ký đoàn
14	Trần Lưu Trung	01.001	15/02/1982		Phó Vụ trưởng	Vụ Tiền lương	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn
II	Khóa tại Normandie ngày 02/7/2023 - 13/7/2023 (PHÁP)							
1	Nguyễn Thị Quyên Thanh	01.002		19/10/1978	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	Trưởng đoàn
2	Phạm Thị Xuân Trang	01.002		11/9/1976	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa	Phó Trưởng đoàn
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01.002		09/4/1985	UV BTV Tỉnh ủy, Chủ tịch UBMTTQVN	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bến Tre	Bến Tre	
4	H'Vi Êban	01.002		26/6/1981	Tỉnh ủy viên Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
5	Đặng Thanh Sơn	01.001	05/11/1980		UV BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam	Hà Nam	
6	Võ Thị Mỹ Trang	01.002		01/01/1980	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	
7	Trần Quốc Tuấn	01.001	04/9/1979		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Quảng Ninh	Huyện ủy Quảng Ninh	Quảng Bình	
8	Phạm Thành Chung	01.002	29/12/1978		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Xuyên Mộc	Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện Xuyên Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu	
9	Nguyễn Việt Oanh	01.002	26/7/1980		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Lục Ngạn	Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện Lục Ngạn	Bắc Giang	
10	Lê Trung Hồ	01.002	18/6/1983		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận	Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận	Kiên Giang	
11	Trịnh Minh Hoàng	01.002	27/5/1979		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Ninh Hải	Huyện ủy, Hội đồng nhân dân Huyện Ninh Hải	Ninh Thuận	
12	Phạm Thị Ngọc	01.002		12/9/1982	Phó Giám đốc Sở	Sở Tư pháp	Cà Mau	
13	Nguyễn Hoàng Minh	01.002	27/6/1979		Phó Trưởng ban Ban Đô thị	Hội đồng nhân dân TP Hải Phòng	TP Hải Phòng	
14	Ma Thị Thúy	01.002		03/10/1978	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
15	Kiên Thị Minh Nguyệt	01.002		05/6/1984	Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	Thư ký đoàn
16	Nguyễn Ánh Dương	01.001	09/11/1975		Phó Vụ trưởng	Vụ Chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn
III	Khóa tại HIROSHIMA 22/7/2023 - 01/8/2023 (NHẬT BẢN)							
1	Tiêu Hồng Phúc	01.002	15/10/1977		Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	Trưởng đoàn
2	Mai Thị Thúy Nga	01.002		10/7/1974	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phó Trưởng đoàn
3	Lý Tiết Hạnh	01.001		30/10/1972	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Định	Bình Định	
4	Hồ Thị Kim Ngân	01.001		02/3/1978	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh	Bắc Kạn	
5	Trần Thị Tuyết Hương	01.001		10/12/1972	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	
6	Nguyễn Thị Minh Thúy	01.001		6/9/1977	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang	An Giang	
7	Nguyễn Thị Minh Trang	01.002		16/5/1979	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	
8	Lý Công Hậu	04.024	28/8/1981		Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lai Châu	Lai Châu	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
9	Thái Đăng Khoa	01.002	25/11/1982		Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy	Tỉnh ủy Sóc Trăng	Sóc Trăng	
10	Trần Hữu Thùy Giang	01.002	17/9/1981		Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân	Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	
11	Nguyễn Xuân Đức	01.002	02/8/1982		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy	Huyện ủy Nam Đàn	Nghệ An	
12	Triệu Đỗ Hồng Phước	01.002	20/6/1979		Phó Bí thư Huyện ủy Chủ tịch UBND huyện	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh	
13	Nguyễn Thị Mai Anh	01.002		01/7/1978	Phó Bí thư Thị ủy Chủ tịch UBND thị xã	UBND thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	
14	Phạm Trung Giang	01.001	27/10/1977		Phó Vụ trưởng	Vụ Tổ chức phi chính phủ	Bộ Nội vụ	
15	Trần Thị Chúc Quỳnh	01.002		28/7/1982	Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh đoàn	Tỉnh đoàn Lâm Đồng	Lâm Đồng	
16	Nguyễn Thanh Bình	01.001	17/10/1980		Phó Vụ trưởng	Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn
C	Năm 2024							
I	Khoá tại Normandie từ 18/3/2024 - 28/3/2024 (PHÁP) - Từ Kế hoạch năm 2023 chuyển sang							
1	Phạm Thị Thanh Mai	01.002		03/11/1975	Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội	TP Hà Nội	Trưởng đoàn
2	Nguyễn Việt Cường	01.002	22/12/1979		Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Mai Sơn	Huyện ủy, HĐND huyện Mai Sơn	tỉnh Sơn La	Phó Trưởng đoàn
3	Vũ Khắc Quang	01.001	15/02/1982		Bí thư Huyện ủy Hạ Lang	Huyện ủy Hạ Lang	Cao Bằng	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
4	Đào Chí Nghĩa	01.002	12/6/1982		Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Cần Thơ	TP Cần Thơ	
5	Hoàng Đức Chính	01.001	16/5/1981		Bí thư Huyện ủy	Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình	
6	Phan Thị Thùy	01.001		29/02/1980	Trưởng Ban Văn hóa – Xã hội	Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum	Kon Tum	
7	Trần Thanh Nhân	01.002		01/4/1982	Bí thư Huyện ủy Chi Lăng	Huyện ủy Chi Lăng	Lạng Sơn	
8	Nguyễn Đăng Minh Xuân	01.001	01/5/1979		Bí thư Huyện ủy Bến Lức	Huyện ủy Bến Lức	Long An	
9	Nguyễn Kim Chi	01.002		27/8/1980	Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Thanh Ba	Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện Thanh Ba	Phú Thọ	
10	Cao Đình Huy	01.001	12/02/1981		Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Tuy Hòa	UBND thành phố Tuy Hòa	Phú Yên	
11	Phan Văn Bình	01.001	01/8/1981		Tỉnh ủy viên, Chánh văn phòng Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Quảng Nam	
12	Huỳnh Thị Ánh Sương	01.001		16/6/1976	Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	
13	Nguyễn Chí Thành	01.002	05/12/1980		Bí thư Huyện ủy Tiên Yên	Huyện ủy Tiên Yên	Quảng Ninh	
14	Nguyễn Văn Huy	01.002	02/01/1979		Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Bình	Thái Bình	
15	Huỳnh Thị Thùy Trang	01.002		10/6/1982	Bí thư Thị ủy Phước Long	Thị ủy Phước Long	Bình Phước	Thư ký đoàn

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
16	Nguyễn Xuân Tụ	01.001	16/9/1974		Phó Vụ trưởng	Vụ Công chức – Viên chức	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn
II	Khoá tại GRIPS từ 08/4/2024 - 17/4/2024 (Nhật Bản) - Từ Kế hoạch năm 2023 chuyển sang							
1	Đỗ Thị Minh Hoa	01.001		01/11/1976	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBMTTQVN	Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn	Bắc Kạn	Trưởng đoàn
2	Thái Thị An Chung	01.001		10/11/1973	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An	Nghệ An	Phó Trưởng đoàn
3	Lê Thị Thanh Lam	01.001		30/11/1974	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn chuyên trách phụ trách đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	
4	Đặng Bích Ngọc	01.001		29/9/1980	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn chuyên trách phụ trách đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	
5	Lâm Đình Thắng	01.002	30/8/1981		Thành ủy viên, Giám đốc Sở	Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh	
6	Nguyễn Thanh Hà	01.001	28/3/1981		Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân	Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa	
7	Lê Thị Ngọc Loan	01.002		19/12/1979	Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	
8	Trần Thị Thanh Tuyết	01.001		02/11/1977	Giám đốc Sở	Sở Nội vụ	Tiền Giang	
9	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	01.001		08/4/1984	Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở	Sở Nội vụ	Bến Tre	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
10	Chu Thị Ngọc Diệp	01.002		14/3/1980	Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Giang	Hà Giang	
11	Nguyễn Hoàng Phong	01.002	16/12/1982		Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động	Liên đoàn Lao động tỉnh Gia Lai	Gia Lai	
12	Trần Minh Sáng	01.002	20/6/1983		Bí thư Huyện ủy Chủ tịch HĐND huyện	Huyện ủy, HĐND huyện Bảo Thắng	Lào Cai	
13	Hoàng Viễn	01.002	22/10/1981		Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách	Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái	Yên Bái	
14	Cao Thị Huyền Trân	01.002		30/7/1983	Thành ủy viên, Bí thư quận ủy	Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	TP Đà Nẵng	Thư ký đoàn
15	Lương Thị Hải Anh	01.001		19/3/1972	Phó Vụ trưởng	Vụ Công tác thanh niên, Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn
16	Ngô Đức Minh	01.003	25/6/1996		Chuyên viên	Vụ Công chức – Viên chức	Bộ Nội vụ	
III	Khoá tại Normandie từ 26/5/2024 - 06/6/2024 (PHÁP)							
1	Nguyễn Thị Cẩm Phương	01.001		04/9/1971	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình	Hoà Bình	Trưởng đoàn
2	Mai Thị Thúy Nga	01.001		10/7/1974	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	Phó Trưởng đoàn
3	Lê Thị Nhung	01.001		27/12/1974	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau	Cà Mau	
4	Nguyễn Thị Thuận Bích	01.001		19/12/1975	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
5	Đinh Thị Việt Huỳnh	01.001		29/6/1977	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang	An Giang	
6	Sái Thị Yến	01.001		09/6/1978	Giám đốc Sở	Sở Nội vụ	Hải Dương	
7	Hoàng Thị Thu Trang	01.001		11/10/1981	Giám đốc Sở	Sở Tư pháp	Nghệ An	
8	Trần Xuân Anh	01.002	03/02/1981		Bí thư Huyện ủy	Huyện Triệu Phong	Quảng Trị	
9	Nguyễn Văn Nhù	01.002	24/10/1979		Phó Bí thư Huyện ủy	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Càng Long	Trà Vinh	
10	Nguyễn Huỳnh Thu	01.002		08/10/1983	Bí thư Huyện ủy	Huyện Mang Thít	Vĩnh Long	
11	Nguyễn Cao Cường	01.002	24/11/1981		Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	
12	Trịnh Thị Tú Anh	01.002		17/8/1980	Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	
13	Đào Thị Lan Anh	01.002		26/8/1983	Giám đốc Sở	Sở Nội vụ	Lai Châu	
14	Trần Minh Tân	01.003	06/4/1988		Chuyên viên	Vụ Tổ chức phi chính phủ	Bộ Nội vụ	
15	Hoàng Quốc Tráng	04.024	29/09/1984		Trưởng phòng	Phòng Tổng hợp, Thanh tra Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Thư ký đoàn
16	Trần Thị Thái	01.001		03/10/1974	Phó Chánh Văn phòng	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
IV	Khóa tại INSP từ ngày 16/9/2024 - 25/9/2024 (PHÁP)							
1	Trần Thị Tuyết Hương	01.001		10/12/1972	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh	HĐND tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	Trưởng đoàn
2	Hoàng Thu Trang	01.001		25/4/1975	UV BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân	HĐND tỉnh Bắc Kạn	Bắc Kạn	
3	Ngô Vũ Thăng	01.002	20/11/1980		Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	UBND tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	Phó trưởng đoàn
4	Lê Công Đình	01.001	20/8/1981		Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Tân An	Hội đồng nhân dân thành phố Tân An	Long An	
5	Nguyễn Thị Thu	01.001		10/01/1974	Thành ủy viên, Giám đốc Sở Nội vụ	Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng	Hải Phòng	
6	Nguyễn Duy Minh	01.002	26/7/1982		Thành ủy viên, Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách khóa XV thành phố Đà Nẵng	Đoàn ĐBQH thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	
7	Hoàng Quốc Bảo	01.002	16/12/1984		Bí thư Huyện ủy Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	Huyện ủy Bảo Yên	Lào Cai	Có tên trong QĐ thành lập đoàn nhưng xin ko tham gia khóa bồi dưỡng

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
8	Nguyễn Thành Đồng	01.002	02/12/1985		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đức Thọ	Huyện ủy Đức Thọ	Hà Tĩnh	
9	Lưu Đức Hoàn	01.002	13/8/1982		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phú Lộc	Huyện ủy Phú Lộc	Thừa Thiên Huế	
10	Phan Khắc Duy	01.002	30/9/1984		Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Bà Rịa – Vũng Tàu	
11	Lâm Tiến Thạch	01.002	05/01/1983		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Long Phú	Huyện ủy Long Phú	Sóc Trăng	
12	Phan Thị Thanh Phương	01.003		29/02/1984	Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Bí thư Quận ủy Phú Nhuận	Thành phố Hồ Chí Minh	
13	Lê Trí Hà	01.002	13/11/1981		Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Yên Bái	
14	Nguyễn Thị Tú Thanh	01.001		23/12/1981	Phó Vụ trưởng, Vụ Chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	
15	Trần Thái Hoan	01.003	4/4/1987		Chuyên viên Vụ Tiền lương	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Thư ký đoàn
16	Trần Trung Kiên	01.001	28/05/1981		Phó Cục trưởng, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
V	Khóa tại Normandie từ ngày 30/9/2024 - 09/10/2024 (PHÁP)							
1	Nguyễn Đài Thy	01.001		24/6/1973	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh	Tây Ninh	Trưởng đoàn
2	Hoàng Quốc Việt	01.001	10/4/1980		Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nghệ An	Phó trưởng đoàn
3	Nguyễn Thành Phú	01.001	7/10/1981		Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm	UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm	Ninh Thuận	
4	Nguyễn Tiến Thành	01.001	1/11/1982		Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên	Điện Biên	
5	Nguyễn Trung Kiên	01.002	7/8/1980		Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định	Tỉnh ủy Bình Định	Bình Định	
6	Ngụy Văn Tuyên	01.002	8/2/1982		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Sơn Động	Huyện ủy Sơn Động	Bắc Giang	
7	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	01.002		29/9/1985	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh Bình Dương	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương	Bình Dương	
8	Phan Nhật Thanh	01.002	2/4/1980		Giám đốc Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	Đắk Nông	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
9	Võ Chí Vương	01.001	20/12/1979		Giám đốc Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Khánh Hòa	
10	Phạm Thị Hậu	01.002		8/7/1989	Chuyên viên chính Vụ Chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	
11	Hoàng Thục Oanh	04.025		17/01/1992	Thanh tra viên, Thanh tra Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	
12	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	01.003		15/06/1996	Chuyên viên Vụ Tổ chức phi chính phủ	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	
13	Bùi Phương Thảo	01.003		22/02/1993	Chuyên viên Vụ Tổ chức – Biên chế	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	
14	Trần Duy Hưng	01.003	13/12/1991		Chuyên viên Vụ Công chức - Viên chức	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	
15	Nguyễn Thanh Hùng	01.003	18/10/1999		Chuyên viên Vụ Công chức - Viên chức	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Thư ký đoàn
16	Nguyễn Xuân Đạt	04.024	29/04/1971		Phó Chánh Thanh tra	Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn
VI	Khóa tại Hiroshima từ ngày 19/10/2024 đến ngày 30/10/2024 (NHẬT BẢN)							
1	Hà Nhật Lệ	01.001		28/3/1975	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh	HĐND tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	Trưởng đoàn
2	Nguyễn Hữu Định	01.002	24/5/1977		Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở	Sở Nội vụ	Đồng Nai	Phó trưởng đoàn

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
3	Nguyễn Hữu Tuấn	01.002	26/5/1983		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Ninh Phước	Huyện ủy Ninh Phước	Ninh Thuận	
4	Bùi Huy Cường	01.001	19/9/1981		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Khoái Châu	Huyện ủy Khoái Châu	Hưng Yên	
5	Nguyễn Thị Thu Hường	01.001		24/12/1975	Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở	Sở Nội vụ	Đắk Nông	
6	Lương Thị Lệ Hằng	01.002		29/3/1980	Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh	Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh	Bà Rịa – Vũng Tàu	
7	Trần Ngọc Bá Nhân	01.002	26/01/1981		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Long Hồ	Huyện ủy Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	
8	Mai Văn Hữu	04.023A	27/8/1982		Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Kon Tum	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Kon Tum	Kon Tum	
9	Nguyễn Phương Mai	01.001		22/5/1982	Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	
10	Lê Thị Bích Liên	01.001		25/5/1981	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Hàm Thuận Nam	Huyện ủy Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	
11	Đinh Thị Hằng	01.003		03/12/1995	Chuyên viên Thanh tra Bộ	Thanh tra Bộ, Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	
12	Đinh Thị Lê Dung	01.003		05/6/1994	Chuyên viên Vụ Tổ chức – Biên chế	Vụ Tổ chức – Biên chế, Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	
13	Bùi Thị Thảo My	01.003		14/10/1996	Chuyên viên Vụ Công chức – Viên chức	Vụ Công chức – Viên chức, Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Thư ký đoàn
14	Phạm Minh Triết	01.001	18/8/1971		Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức – Biên chế	Vụ Tổ chức – Biên chế, Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
VII	Khóa tại GRIPS từ ngày 09/12/2024 đến ngày 18/12/2024 (NHẬT BẢN)							
1	Lê Thị Song An	1.002		11/10/1977	Phó Trưởng đoàn Chuyên trách Đoàn Đại biểu Quốc hội	Đoàn ĐBQH tỉnh Long An	Long An	Trưởng đoàn
2	Nguyễn Văn Mạnh	1.002	15/01/1976		Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Thừa Thiên Huế	Phó trưởng đoàn
3	Đặng Mai Sơn	1.001	10/12/1983		Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Hòa Bình	
4	Phạm Thị Thu Thủy	1.001		18/6/1983	Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	
5	Lương Thị Như Hoa	1.001		16/6/1975	Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nội vụ	Sở Nội vụ tỉnh Sơn La	Sơn La	
6	Đinh Nguyên Vũ	01.002	20/9/1979		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Quế Sơn	Huyện ủy, HĐND huyện Quế Sơn	Quảng Nam	Có tên trong QĐ thành lập đoàn nhưng TU có CV đề nghị không tham gia do yêu cầu công việc
7	Hồ Quang Đệ	1.002	15/6/1981		Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Sông Cầu	Thị ủy Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	Phú Yên	

TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Giới tính		Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa phương	Ghi chú
			Nam	Nữ				
8	Nguyễn Thị Nhung	04.024A		19/11/1981	Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Ninh Bình	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Ninh Bình	Ninh Bình	
9	Trà Thanh Danh	1.002	19/02/1980		Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi	Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	
10	Lê Thành Đông	1.002	31/12/1985		Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Hồng Lĩnh	Thị ủy Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	
11	Đỗ Văn Bình	1.001	22/12/1979		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Cam Lộ	Huyện ủy Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	
12	Phạm Tuấn	1.002	15/11/1981		Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Mỹ Tú	Huyện ủy Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	
13	Nguyễn Việt Long	1.002	07/3/1984		Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương	Bình Dương	
14	Huỳnh Minh Kiên	1.002	23/10/1980		Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Cà Mau	
15	Nguyễn Thị Hải Yến	1.003		25/5/1989	Chuyên viên Vụ Tổ chức – Biên chế	Vụ Tổ chức – Biên chế, Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Thư ký đoàn
16	Vũ Xuân Thanh	V.05.01. 02		10/4/1970	Phó Viện trưởng, Viện Khoa học Tổ chức nhà nước	Viện Khoa học Tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ	Cán bộ tổ chức đoàn


